

306.095 977 5
ĐC
D 200 T

THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
DI TÍCH - DANH THẮNG
ᨧᩢ᩠ᨦ

DI TÍCH ĐÌNH AN HÒA



306.095 97.1.1
D 200 T

Di tích đình An Hòa

Chủ biên: Lê Trí Dũng

Thực hiện: Phan Thị Thịnh
Phan Đình Dũng
Nguyễn Hồng Thái
Nguyễn Xuân Nam
Phạm Văn Vĩnh
Đoàn Thị Thanh Nga

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2017/BC/VV 00001177



*Bảng công nhận di tích kiến trúc, nghệ thuật
đình An Hòa*



*Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
kiểm tra công tác trùng tu di tích đình An Hòa*

LỜI GIỚI THIỆU

Xã An Hòa trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính. Trước đây, xã An Hòa thuộc huyện Long Thành. Ngày 01 tháng 4 năm 2010, cùng với các xã Tam Phước, Phước Tân, Long Hưng, xã An Hòa được chuyển giao, trở thành đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc thành phố Biên Hòa. Địa bàn An Hòa nằm trọn trong phạm vi của làng Bến Gõ - một vùng được khai phá sớm của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện trong lòng đất Bến Gõ - An Hòa nhiều di vật của lớp cư dân cổ. Mảnh đất này được các tộc người của nhiều nền văn minh đến định cư, lập nghiệp xuyên suốt cả một thời kỳ lịch sử từ thời đại đồng thau cách nay hàng ngàn năm. Từ quá khứ cho đến hôm nay, vùng đất An Hòa được biết đến với tư cách là vùng đất mở, tiếp tục đón nhận nhiều người dân từ các nơi đến sinh sống, là địa bàn có còn bảo lưu những sinh hoạt văn hóa truyền thống văn hóa khá rõ nét. Trên địa bàn xã An Hòa có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo: Chùa Bửu An, Thánh thất Cao Đài, nhà thờ Tin Lành Bến Gõ, đình Thiết Tượng, miếu Bà Khoanh, miếu Bà Mụ... Mỗi di tích thường gắn liền với những câu chuyện kể dân

gian đầy màu sắc huyền hoặc như: miếu Bà Mụ, miếu Bà Khoanh, chùa Ông... Trong đó, đình An Hòa là một cơ sở tín ngưỡng dân gian có giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu độc đáo cho kiến trúc đình làng Nam Bộ, được Nhà nước xếp hạng là di tích cấp Quốc gia theo Quyết định số 100/VH-QĐ ngày 21/01/1989.

Gắn liền với các cơ sở tín ngưỡng dân gian là những sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng đa dạng. Tại đình An Hòa, hàng năm tổ chức lễ hội Kỳ Yên kéo dài nhiều ngày với các hình thức diễn xướng dân gian độc đáo như xây châu, hát bội, đua thuyền... thu hút đông đảo nhân dân tham dự trở thành ngày hội văn hóa có ý nghĩa.

Xã An Hòa có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường trong kháng chiến chống ngoại xâm. Năm 2000, xã An Hòa được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Hiện nay, cơ cấu kinh tế xã An Hòa phát triển theo hướng thương mại - dịch vụ - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Bề dày văn hóa cùng với truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường là niềm tự hào của người dân An Hòa trong quá trình xây dựng quê hương ngày càng phát

triển bền vững. Hành trang trên con đường xây dựng quê hương trong thời kỳ hội nhập đổi mới, xã An Hòa không thể thiếu những giá trị văn hóa của thế hệ tiền nhân đã tạo dựng. Đó là những giá trị về mặt vật chất lẫn tinh thần, đặc biệt là những giá trị di sản được bảo tồn qua bao thăng trầm lịch sử ở Bến Gỗ xưa - An Hòa nay.

Nhằm bảo tồn những giá trị di sản văn hóa trên vùng đất An Hòa, góp phần trong công cuộc “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” theo tinh thần Nghị quyết 5 (khóa VIII) của Đảng, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai biên soạn giới thiệu di tích lịch sử, kiến trúc - nghệ thuật đình An Hòa.

Cùng với những tư liệu khảo sát, nhóm tác giả kế thừa có tính chọn lọc những công trình nghiên cứu trước đây: *Gia đình Thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức, bản dịch do Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành, 2001), *Làng Bến Gỗ xưa và nay* (Bảo tàng Đồng Nai, 1995), *Thông chí xã An Hòa* (nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng, 2008), *hồ sơ Khoa học đình An Hòa* (Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai), *Địa chí Đồng Nai* (Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001), *Văn hóa Đồng Nai* (Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng,

2005)... thực hiện biên soạn tập sách này. Một số tư liệu của các công trình nghiên cứu trên được nhóm tác giả sử dụng trong sách này đã góp phần làm cho cuốn sách này tăng thêm giá trị khoa học, nghiên cứu, khảo chứng. Thông qua cuốn sách này, nhóm tác giả bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các tác giả, các nhà nghiên cứu về An Hòa.

Với mong muốn quảng bá giá trị di sản văn hóa của vùng đất Bến Gỗ - An Hòa, đặc biệt là giá trị kiến trúc nghệ thuật di tích đình An Hòa, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai trân trọng giới thiệu tập sách đến với mọi người. Mặc dầu nhóm tác giả đã có nhiều nỗ lực trong quá trình biên soạn, song chắc chắn cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân tình với tinh thần xây dựng của quý độc giả để thực hiện tốt hơn trong những lần tái bản sau.

Lê Trí Dũng

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ VÙNG ĐẤT AN HÒA

1.1. Địa lý - Địa danh

Địa phận xã An Hòa thuộc làng Bến Gõ xưa. Làng Bến Gõ vào thời điểm thế kỷ XVII có diện tích khá rộng, nằm bên tả ngạn sông Phước Long (Đồng Nai). Địa giới làng Bến Gõ ước đoán gồm địa phận các xã Long Hưng, xã An Hòa, một phần xã Phước Tân, một phần xã Tam Phước và phường Long Bình Tân hiện nay. Một số địa danh liên quan gắn với Bến Gõ được ghi chép trong sử sách trước đây qua nhiều lần thay đổi hành chánh hiện tọa lạc trên đơn vị hành chánh khác. Chẳng hạn: Nhà thờ và giáo xứ mang tên Bến Gõ hiện nay thuộc địa phận của phường Long Bình Tân là một ví dụ.

Có thể chỉ có địa giới xã An Hòa là nằm trọn trong phạm vi của làng Bến Gõ xưa và hiện gắn liền với một số địa danh như Rạch Bến Gõ, thôn An Hòa, chợ Bến Gõ rồi chợ An Hòa, sông An Hòa, đình An Hòa, nhà thờ Tin Lành Bến Gõ... Trên một bình diện,

hiện nay khi nói đề cập địa danh Bến Gỗ, người dân địa phương chỉ nghĩ ngay đến xã An Hòa hoặc ngược lại. Mặc nhiên, dấu địa giới hành chính có đổi thay thì với những yếu tố gốc của làng Bến Gỗ và những đại danh liên quan hiện nay thuộc địa giới An Hòa như một “định danh, định vị” cụ thể, gắn kết danh xưng: Bến Gỗ - An Hòa.

Như vậy, vị trí địa lý xã An Hòa ngày nay được xác định: Phía Đông và Đông Nam giáp xã Phước Tân, Tam Phước, phía Tây giáp phường Long Bình Tân, phía Nam giáp xã Long Hưng, phía Bắc giáp phường Long Bình Tân. Toàn xã An Hòa có diện tích 886,03 héc ta, chia làm 04 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3 và ấp 4.

Xã An Hòa là đơn vị hành chính có những thay đổi trong quá trình phát triển của huyện Long Thành và Thành phố Biên Hòa. Tư liệu Địa bạ Nam Kỳ (1836) có ghi tên An Hòa là một trong 17 thôn, hộ của tổng Long Vĩnh Thượng, huyện Long Thành, tỉnh Biên Hoà. Năm 1939, An Hòa thuộc quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Năm 1957, xã An Hòa Hưng được chính quyền Sài Gòn thành lập, bao gồm cả địa bàn xã Long Hưng ngày nay, thuộc tổng Long Vĩnh Thượng, quận Châu Thành, sau đổi thành quận Đức Tu (năm 1963).

Sau năm 1975, chính quyền cách mạng thành lập xã Hòa Hưng trên cơ sở sáp nhập nhiều xã. Ban đầu là xã An Hòa và Tân Hưng thành xã An Hòa Hưng, tách xã Long Hưng riêng. Năm 1987, xã An Hoà và xã Long Hưng được sáp nhập thành xã An Hoà Hưng. Năm 1994, xã Hòa Hưng tách ra thành hai xã An Hòa và xã Long Hưng. Ngày 01 tháng 4 năm 2010, cùng với các xã Tam Phước, Phước Tân, Long Hưng, xã An Hòa được chuyển giao, trở thành đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc thành phố Biên Hòa.

Danh xưng An Hòa là một mỹ tự được đặt tên cho các thôn làng thời chúa Nguyễn ở Nam Bộ nói chung, đất địa đầu Trấn Biên - Biên Hòa nói riêng. Chúa Nguyễn thường dùng những mỹ tự với hàm ý vùng đất mới phương Nam này được khai khẩn sẽ đạt được như điều tốt đẹp: Bình yên, thuận hòa để phát triển.

Về tên gọi Bến Gỗ: Nhiều ý kiến đồng thuận địa danh này liên quan đến địa điểm tập kết của việc khai thác gỗ trong vùng. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, mục Sơn xuyên chí khi đề cập đến sông An Hòa chi biết: "*Sông An Hòa ở về phía Bắc sông Phước Giang, cách trấn về phía Đông 19 dặm. Đoạn ngoài cửa sông là sông Đồng Chân, chảy*

ra hướng Bắc nửa dặm đến chợ An Hòa của thôn An Hòa, trước đây là bến đẽ gỗ, cho nên gọi là Bến Gỗ". Xét về địa lý, vùng An Hòa gần sông, không có nhiều gỗ. Về phía Bắc An Hòa là vùng Long Bình (hiện nay bên tả quốc lộ 51 tính từ điểm xuất phát vòng xoay Ngã ba Vũng Tàu) thì trước đây là vùng đồi núi, lùm gỗ rừng, kéo dài cho đến tận khu vực ngã ba Trị An của huyện Trảng Bom. Khi cư dân đến đây khai khẩn, trong đó có việc khai thác lâm sản thì sông An Hòa là nơi thuận lợi nhất để tập kết gỗ xuất bán cho các tàu buôn theo đường sông.

Trong địa bàn Bến Gỗ xưa - An Hòa nay, còn có một số địa danh được đề cập trong sử sách trước đây như: Thiết Khâu - tục danh của núi Lò Thổi. Đây là một địa điểm trong phạm vi ấp 2 của xã An Hòa. Thực ra, so với địa hình, dấu tích của núi Lò Thổi là một cái gò nỗng. Nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng dịch và lý giải từ sách Gia Định thành thông chí về địa danh Thiết Khâu như sau: *"Gò Sắt (Thiết Khâu), tục gọi là núi Lò Thổi, tại phía Bắc sông Phước Giang... trán 19 dặm về phía Đông, do sông Đồng Chân chảy queo về phía Bắc 3... rươi là tới chợ Lò Sắt. Ở đây gò nỗng lồi lõm, rừng rú xanh rậm, người làm nghề tu hạp thành chợ, mở lò nung, cung nạp thuế sắt, quặng*

sắt rất thịnh vượng, năm Tân Mùi (1811) niên hiệu Gia Long thứ 10, có hai người tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc là Lý Kinh Tú và Lâm Húc Tam xin trưng thuế, mở lò nung sắt, phương pháp chế tạo rất tinh xảo, được nhiều sắt tốt”. Gò Thiết Khâu là một trong cái cao nhất trong dãy đồi gò Bến Gỗ xưa. Dấu tích của gò Thiết Khâu xưa là chỏm đồi tọa lạc chùa Thiên Lâm và chỏm đồi đình Thiết Tượng hiện nay. Về chợ Lò Sắt hay còn gọi là chùa Lò Thối thì ngày nay không còn dấu tích. Gần gò Thiết Khâu còn có xóm dân cư sinh sống, có tên gọi là Thiết Tượng. Xóm Thiết Tượng có nghĩa là xóm Lò Rèn vì cả xóm này đều làm thợ rèn, chủ yếu là nấu quặng lấy sắt.

Ngày nay, qua bao biến thiên, địa hình, cảnh quan xưa không còn lưu lại dấu vết nhưng tên gọi Bến Gỗ vẫn còn đó như gợi nhớ về một vùng đất ven sông, một làng cổ trong lịch sử khân khoang của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai cách đây hơn ba thế kỷ. Qua quá trình phát triển, Bến Gỗ - An Hòa xuất hiện những địa danh gắn liền với đời sống cư dân: xóm bà Ông Hồ, xóm chòi Gia Long, xóm chùa Cao Đài, xóm chùa Lầu, xóm Chợ, xóm Cầu, nông Ông Hoàng, giồng Phước Khả, rạch Bà Nháp, nông Bà Nhạn, xóm Bà Sen, xóm Vườn Trầu, xóm nhà

thờ Tin Lành, xóm Bà Miêu, xóm miếu Bà Khoanh, xóm Trạm Bơm, xóm chùa Miên, xóm Chài, đồng Ông Ký, đồng Bà Hoạt, đồng Rạch Dâu, đồng Gò Đông, đồng Ông Định, đồng Bà Phượng, đồng Bà Nam, đồng Bùng Bình, núi Nứa, suối Cầu Ván, cầu Quan, vòm chùa Rạch Ngã Góc, xóm Đình, xóm Bến... Mỗi địa danh được xác định gắn với những đặc điểm tự nhiên hay xã hội, con người... đã làm phong phú cho vùng đất có truyền thống văn hóa lâu đời ven sông Đồng Nai.

Dân số xã An Hòa (năm 2010) có 18.337 người với 06 dân tộc sinh sống. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm số lượng đông đảo (18.118 người), kế đến là Hoa (57 người), Thái (28 người), Tày (17 người), Khơ me (11 người), Mường (06 người). Khoảng 2/3 dân cư là người địa phương, số còn lại từ nhiều vùng trong cả nước chuyên đến làm ăn sinh sống. Trong đó, khoảng 70% người dân sống bằng nghề nông nghiệp, 30% sống bằng các ngành nghề khác nhau: Tiểu thủ công nghiệp (sản xuất gạch ngói), thương mại dịch vụ, công nhân trong các khu công nghiệp...

1.2. Dấu tích văn hóa cổ

Qua nghiên cứu khảo cổ học, các nhà nghiên cứu đã phát hiện những dấu tích, hiện vật... liên quan

đến những lớp cư dân cổ đã từng sinh sống trên vùng đất Bến Gỗ - An Hòa. Như vậy, trước khi người Việt, người Hoa đến khai khẩn, vùng đất Bến Gỗ - An Hòa là một trong những địa điểm ở xứ Đồng Nai có người cổ cư ngụ.

Cuối thế kỷ XIX, nhà nghiên cứu người Pháp là *Hamy* đã thông báo về phát hiện chiếc rìu đồng và những chiếc rìu bôn bằng đá mài phát hiện ở Bến Gỗ. Năm 1934, *Georges Migon* thông báo những nhận xét về một số hiện vật phát hiện ở làng Long Hưng và An Hòa, trong đó có một tượng cổ bằng đá. Nhà khảo cổ học Louis Malleret đã hệ thống những phát hiện của vùng Bến Gỗ, trong đó có đề cập về ba chiếc rìu đồng ở An Hưng. Riêng về tượng cổ do *Georges Migon* thông báo thì *Louis Malleret* cho biết trong tài liệu "*L'archéologie du Delta du Mé kong*" như sau: *Quanh chợ Bến Gỗ, trong một ngôi chùa khác, đó là Bửu An cổ tự... có một tượng khác bằng sa thạch được ông G. Migon thông báo. Chúng tôi đã đến tham quan địa điểm trên vào năm 1943 và được gặp lại hình ảnh một nữ thần 4 tay mà hai tay trước cầm một cây cung nhưng hai chỗ giờ đây đã bẻ. Bức tượng nữ thần với bộ ngực căng phồng, eo hông cương tráng, mặc một cái xà rông mỏng và đội trên đầu một*

*cái mũ hình chóp. Các bàn tay tượng được chấp và lại... Riêng bàn tay trái phía sau nâng một cái tù và và hình vỏ ốc xem ra là còn giữ được nguyên bản, các vành tai được xỏ lỗ để đeo các nữ trang rìi...**

Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất (năm 1975), các cơ quan chức năng đã tổ chức những cuộc điều tra, thám sát trên vùng đất Bến Gỗ - An Hòa. Từ những cuộc khảo sát, khai quật, các nhà nghiên cứu đã thu nhận được những hiện vật của cư dân cổ bằng nhiều chất liệu như đá, gốm... Một số hiện vật gốm mà các nhà nghiên cứu thu nhận được trên vùng đất Bến Gỗ - An Hòa:

- 05 tiêu bản gốm dạng chóp hình búp sen (màu xám tro, màu vàng xám, trắng xám), giữa thân có gờ nổi, đáy hình bầu dục, bên trong rỗng.

- 01 tiêu bản dạng chiếc đèn bằng gốm được nặng bằng tay. Phần miệng hình cái chén nhỏ, thân dài, tròn và đế bằng.

- 01 tiêu bản dạng hình nắp, xương gốm màu xám tro, lớp ngoài màu hồng nhạt, núm tròn, miệng loe ngang, giữa có một lõm sâu.

* Dẫn theo Lý Việt Dũng. *Thông chí xã An Hòa (Làng Bến Gỗ)*. Tài liệu đánh máy, lưu tại Ban Quản lý Di tích - Dân thắng Đồng Nai, tr.290.

- 01 thỏi gốm hình trụ tròn, bị gãy hai phía đầu, xương gốm mịn, màu đen, ngoài màu vàng nhạt.

- Một số tiêu bản dạng hũ (hũ sành), có hoa văn khắc chìm ở phần cổ.

- Nhiều tiêu bản dạng ngói, gạch. Ngoài những mảnh gốm không có hoa văn, có một số mảnh gốm có khắc những hoa văn hình chữ S, cong xoắn hình số 8.

Bên cạnh hiện vật gốm, phát hiện và thu nhặt một số hiện vật bằng chất liệu đá khá độc đáo. Đó là:

- 01 thỏi đá hình trụ. Thỏi đá có hai màu: một nửa màu trắng đục, một nửa màu da lươn.

- 01 ngẫu tượng thể hiện dạng linga (sinh thực khí của người đàn ông) làm từ chất liệu đá hoa cương mịn, phần phía dưới bị gãy. Phía đầu Linga dạng hình tròn, phình rộng, phía dưới có đục hai đường chỉ chìm.

- 03 mảnh sa thạch, được xem là những mảnh vỡ từ các bức phù điêu. Mảnh thứ nhất có chạm nổi hình người đàn ông mặt bầu, mắt to, lồi, có râu, đội mũ nhọn. Mảnh thứ hai chạm nổi phần thân nữ giới tư thế ngồi, chân chống cao, tay trái đặt trên đầu gối. Phần thân thể hiện ngực to, bụng thon, có đeo đồ trang sức không rõ dạng. Một mảnh chỉ có hình chạm nổi một cánh tay của một người nữ thể hiện động tác múa.

Đặc biệt, có một tượng đá bằng sa thạch cao 1,50m rất độc đáo, thể hiện một vị thần linh của cư

dân cổ. Tượng không còn nguyên vẹn, có những dấu vết bị vỡ và mất đi những phần chi tiết. Tượng tạc thể hiện một người đàn ông. Hai cánh tay bị gãy. Đầu chít khăn, cổ đeo trang sức, thân trần, đóng khố. Người đàn ông đứng trên một cái bệ. Trên bệ có dấu vết tròn giữa hai đầu bàn chân khiến người xem dễ liên tưởng đến một cái gậy đã bị gãy. Mặt của tượng có dạng bầu, thanh tú, lông mày cong xếch, mắt tròn lồi, mũi thẳng cao, môi dưới dày, hơi trề, cằm vuông chẻ. Hai tai, bên phải bị sút, bên trái bị mất phần dải tai. Phần còn lại có thể định dạng tượng có đôi tai to và dày. Phần đầu có hai phần. Phần trên cùng được che kín bằng một cái mũ hình chóp với bốn dãy trang trí cách nhau bằng đường chỉ nổi. Bốn dãy phía dưới rộng, phía trên nhỏ theo dạng chóp của mũ. Trên các dãy được trang trí giống nhau gồm những búp bông hoa có hai lớp cánh, mỗi lớp có ba cánh, cánh giữa nhọn, hai cánh bên tròn. Phần phía dưới là một “cái khăn” buộc gút ra phía sau. Phía trước che kín, phía sau xoắn quăn, tết thành những búp nhỏ, nằm ốp che phủ cả phần gáy. Trên “chiếc khăn” có sáu băng hoa văn, mỗi băng cách nhau bằng đường chỉ nổi. Phía chính giữa trán rộng, hẹp dần về phía sau. Tính thứ tự từ phía trán trở lên, dãy băng số 1 và số 5 được khắc những bông hoa hình cúc tròn 4 cánh. Dãy băng số 2

và số 4 gồm những cánh hoa được xếp lại thành hàng. Dây băng số 3 rộng nhất, chạm khắc những bông hoa hình thoi, chính giữa là nhụy tròn với 4 cánh dạng cách điệu. Dây băng thứ 6 khắc hình bông hoa gồm ba cánh xếp làm hai tầng, tạo thành đường viền của “khăn”. Phần thân thể hiện dáng cổ tròn, đeo trang sức che kín cả phần ngực. Bụng thon, hông có eo và để hở rốn. Phía dưới từ thắt lưng trở xuống vận trang phục dạng một sam pốt gồm ba miếng vải quấn lại. Váy chính phái trước được kéo lên, túm lại phía sau hông, tạo thành một cái nơ lớn trên mông. Phần tay còn lại và dưới phần mắt cá chân thể hiện đeo các vòng trang sức.

Ngoài những hiện vật được các nhà khảo cổ phát hiện, nhiều người dân địa phương cho biết, trước đây họ nhặt được những “lưỡi tầm sét”. Thực ra, đó chính là những chiếc rìu bằng đá của cư dân cổ. Những hiện vật này bằng nhiều chất liệu, có những khung niên đại khác nhau và được phát hiện trong những địa tầng khác nhau. Vì vậy, thật khó để xác định khung niên đại chính xác của chúng. Riêng tượng sa thạch được các nhà nghiên cứu xác định khung niên đại từ thế kỷ X - XI. Từ những hiện vật trên được phát hiện ở Bến Gỗ - An Hòa, trong sự đối chứng với các địa điểm lân cận như Phước Tân, Bình Đa... cho thấy, vùng Bến

Gỗ - An Hòa là địa bàn được cư dân cổ tụ cư từ lâu đời. Đặc biệt, trong những thế kỷ đầu Công nguyên cho đến khi người Việt đến khẩn hoang, nơi đây đã từng có những công trình kiến trúc cổ, tượng thờ khá độc đáo. Có thể nói, Bến Gỗ - An Hòa là một khu vực được các tộc người của nhiều nền văn minh đến quần cư, lập nghiệp, liên tục, xuyên suốt cả một thời kỳ lịch sử dài bắt đầu từ thời đại đồng thau*.

1.3. Vùng đất tín ngưỡng, tôn giáo

Trên địa bàn xã An Hòa có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo: Chùa Thiên Lâm, chùa Bửu An, Tịnh xá Ngọc Phổ, chùa Ông (thờ Quan Thánh), Thánh thất Cao Đài, nhà thờ Tin Lành Bến Gỗ, đình An Hòa, đình Thiết Tượng, miếu Bà Mụ, miếu Bà Khoanh, miếu Bà Vên Vên, miếu Bà Ngũ Hành, đền Ngọc Hoàng Thượng Đế...

Đây là những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hiện tồn trên vùng đất An Hòa. Nếu quy chiếu vào làng Bến Gỗ xưa, chắc chắn, còn có nhiều cơ sở tín ngưỡng hơn nhưng ngày nay đã không còn do nhiều biến động qua các thời kỳ lịch sử hay thay đổi đơn vị hành chính. Nhà thờ của những người theo đạo Thiên Chúa ở Bến Gỗ là một ví dụ - trước đây thuộc làng Bến Gỗ

* Dẫn theo PGS, TS Diệp Đình Hoa trong sách *Làng Bến Gỗ xưa và nay*. Nxb Đồng Nai, 1995, tr.49.

nhưng hiện nay thuộc địa bàn phường Long Bình Tân. Một số địa điểm các xóm ở Bến Gỗ - An Hòa được gọi với tên gắn liền với chùa, miếu, đình như xóm Chùa, xóm Miếu, xóm Đình... nhưng hiện nay cũng không còn dấu tích các cơ sở tín ngưỡng đó.

Chắc hẳn làng cổ Bến Gỗ với những thôn xóm đông dân cư thuở xưa đều xây dựng cho mình những cơ sở tín ngưỡng như miếu, đình để đáp ứng nhu cầu về tâm linh. Đây cũng là lệ thường của người Việt hay người Hoa khi đến khai khẩn, sinh sống trên vùng đất Đồng Nai từ hơn ba trăm năm qua. Không những thế, trước khi các cư dân Việt, Hoa đến khai khẩn, các cư dân cổ đã xây dựng những cơ sở tín ngưỡng để thờ phụng thần linh của mình mà tượng đá bằng sa thạch tìm thấy tại An Hòa là một minh chứng. Trên cơ sở phát hiện của khảo cổ học, một số ý kiến cho rằng, vùng đất Bến Gỗ đã từng có sự hiện diện của người Khơ me, người Chăm. Các tộc người này đã xây dựng những cơ sở tín ngưỡng mà một số hiện vật, dấu tích được phát hiện hay những chuyện kể dân gian còn được lưu truyền.

Sau đó, người Việt, người Hoa đến khai khẩn, sinh sống. Trong quá trình tụ cư tại đây, người Hoa đã để lại dấu tích của mình trên một số lĩnh vực. Hiện nay, tại Bến Gỗ - An Hòa có một số gia đình người

Việt gốc Hoa qua bao thế hệ đang sinh sống tại An Hòa. Chùa Ông thờ Quan Đế Thánh Quân tại An Hòa là một minh chứng cho tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa trong quá trình đến Bến Gỗ - An Hòa sinh sống khá sớm. Một số dữ liệu còn lưu lại tại chùa cho thấy, chùa Ông có thể được xây dựng trước năm 1872.

Những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt hiện nay chiếm số lượng nhiều ở An Hòa. Đó là các miếu Bà Mụ, miếu Bà Khoanh, đình Thiết Tượng, đình An Hòa, chùa Bửu An, chùa Thiên Lâm, nhà thờ Tin Lành Bến Gỗ, Thánh thất Cao Đài phản ánh điều này. Tín ngưỡng dân gian thờ Bà được định danh chung chung hay xác định như Bà Ngũ Hành, Bà Chúa Xứ, Thánh Mẫu... đình thờ Thần Thành hoàng là một trong những tín ngưỡng khá phổ biến không chỉ ở Bến Gỗ - An Hòa mà của cả vùng Nam Bộ. Đây là các cơ sở tín ngưỡng được hình thành theo bước chân của cư dân Việt thưở ban đầu đến Đồng Nai và trải qua nhiều lần trùng tu, tái thiết.

Chùa ở Bến Gỗ - An Hòa cũng được xây dựng khá sớm. Chùa Bửu An và chùa Thiên Lâm đều thuộc dòng Lâm tế. Chùa Bửu An được xem là cổ tự của làng An Hòa, tổng Long Vĩnh Thượng, xây dựng vào thế kỷ XVIII. Đây là ngôi chùa có hệ thống tượng thờ khá đa dạng. Chùa Thiên Lâm được khai sơn trước

năm 1945. Tịnh xá Ngọc Phổ được người dân địa phương gọi là chùa Áo Vàng, được cho là xây dựng trên nền một ngôi chùa lớn đã bị giặc Pháp phá trước đây. Tịnh xá theo hệ phái Khất sĩ.

Nhà thờ Tin Lành Bến Gỗ được xây dựng vào năm 1972, tôn thờ Ba Ngôi Thiên Chúa: Đức Chúa Trời, Đức Chúa Giê Su và Đức Thánh Linh. Đạo Tin Lành truyền bá đến Việt Nam với mốc lịch sử được chọn là năm 1911 tại Đà Nẵng.

Thánh thất Cao Đài được xây dựng năm 1965, thuộc hệ phái Tây Ninh. Chánh điện thánh thất có khám thờ bằng gỗ, chạm trổ hình rồng châu mặt trời, bên trong có tranh vẽ Thiên nhân. Thiên nhân là tượng trưng cho đấng Chí tôn Thượng Đế theo giáo lý Cao đài.

Đình làng ở Bến Gỗ có đình Thiết Tượng, An Hòa. Các cơ sở tín ngưỡng này là thiết chế tín ngưỡng dân gian của người Việt. Trong đình, đôi tượng thờ chính là Thần Thành Hoàng bốn cảnh. Bên cạnh đó, có phối thờ một số đôi tượng khác.

Như vậy, qua các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hiện có trên địa bàn xã An Hòa hiện tại, cho thấy, đây là một địa bàn mở, có tính dung hợp về tín ngưỡng tôn giáo, trong đó, cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Việt chiếm đa số.

1.4. Sắc thái văn hóa

Sự tụ cư của nhiều thành phần dân tộc góp phần làm cho sắc thái văn hóa của Bến Gỗ - An Hòa trở nên phong phú. Mỗi tộc người có những nét văn hóa riêng gắn liền với chu kỳ vòng đời người, chu kỳ vòng cây trồng... trở thành những nét truyền thống. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, đều có những biến cải, thay đổi song các tộc người ở An Hòa vẫn giữ được những vẻ đẹp trong phong tục, tập quán, bảo tồn những giá trị di sản vật thể và phi vật thể. Trong đó, nét văn hóa truyền thống thể hiện rõ nét trong đời sống của cư dân Việt.

An Hòa là nơi còn bảo lưu nhiều kiến trúc nhà cổ và cả dấu ấn kiến trúc mang phong cách của người Trung Hoa, Pháp, Thái Lan qua nhiều thời kỳ. Kiến trúc nhà cổ truyền thống của người Việt chiếm số lượng nhiều. Trong những nhà cổ ở An Hòa có nhiều hoành phi bằng chữ Hán vừa có ý nghĩa thâm sâu trong khuyên răn con cháu vừa có giá trị nghệ thuật. Khu chợ An Hòa chung quanh chùa Ông đầu có nhiều thay đổi song vẫn còn dáng dấp của khu thị tứ của người Hoa. Sau này, một số gia đình có điều kiện kinh tế đã xây dựng những ngôi nhà, biệt thự mang phong cách của Pháp và nhiều nhà được xây dựng với kiểu thức kiến trúc hiện đại. Trong kiến

trúc nói chung, của cơ sở tín ngưỡng nói riêng, đình An Hòa vừa có giá trị lịch sử vừa có giá trị kiến trúc - nghệ thuật đã được Nhà nước xếp hạng di tích cấp Quốc gia.

Gắn với các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, hàng năm diễn ra nhiều lễ tiết với sự tham gia đông đảo của người dân. Tại một số miếu Bà hàng năm người dân tổ chức các lễ vía liên quan đối tượng thờ cúng. Đáo lệ ba năm, miếu có tổ chức lễ cúng lớn, có diễn hát Xây châu, diễn Bóng rối - Địa nàng.

Tại đình, hàng năm có lễ cúng đình gọi là Kỳ Yên (Cầu an) nhằm khấn cầu thần linh ban cho “Quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt”. Cũng đáo lệ ba năm, đình tổ chức đại lễ Kỳ Yên với nhiều nghi thức trở thành một lễ hội quan trọng, thu hút người dân trong và ngoài địa phương tham dự.

Vùng Bến Gỗ - An Hòa còn gắn liền với nhiều chuyện tích dân gian. Trong đó, miếu Bà Mụ gắn với câu chuyện về một bà mụ trong vùng đỡ đẻ cho Cọp được nhiều tài liệu ghi chép. Nội dung chuyện kể về một người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ có tiếng trong vùng. Bà không quản giúp đỡ người dân, đặc biệt là phụ nữ khi sinh con. Một đêm nọ, khi trời mưa gió bão bùng, có một chúa sơn lâm đến bắt bà đi. Bà nghĩ rằng, đời mình như thế là chấm hết bởi lẽ cọp bắt giết

và ăn thịt. Thế nhưng, con cọp đực này tha bà về một chỗ có con cọp cái là vợ của nó đang rên đau dữ dội. Bà nhìn thấy và hiểu rằng con cọp cái nọ đang đau đẻ, nó sinh nở khó. Thế là bà sử dụng kinh nghiệm của mình để giúp con cọp cái đẻ “mẹ tròn con vuông”. Xong việc, bà trở về. Bà cũng chẳng nghĩ ngợi gì về chuyện giúp đỡ cho con cọp cái kia. Thế nhưng, hàng tuần, trước nhà bà đều có heo rừng hay một con nai bị giết để trước. Đó là những con thú mà vợ chồng cọp bắt đem đến như để tạ ơn về sự giúp đỡ của bà mụ tài ba này. Khi bà mụ này mất, dân làng lập miếu thờ. Biết tin bà mụ mất, cọp có đến tế mộ và bắt heo rừng tế bà. Ngôi mộ của bà mụ được cho là đang hiện hữu trong khuôn viên của miếu Bà Mụ ở An Hòa ngày nay. Câu chuyện có những chi tiết huyền hoặc nhưng nói lên về đức độ của con người, một người phụ nữ giỏi về chuyện đỡ đẻ đã cảm hóa được cọp dữ trong vùng. Bên cạnh đó, trong triết lý nhân nghĩa ở đời, câu chuyện cũng đề cập đến việc ơn nghĩa mà loài thú dữ còn nhớ đến, huống chi con người.

Làng Bến Gỗ - An Hòa là địa bàn có thể nói là nổi tiếng ở Biên Hòa - Đồng Nai trong việc đua ghe trên sông. Trong các kỳ đua ghe thi trong và ngoài tỉnh Đồng Nai tổ chức, các đội đua ghe của An Hòa thường giành được những giải thưởng cao. Tục đua

ghe thuyền có nhiều nơi trên địa bàn của thôn làng trên vùng đất Đồng Nai và Bến Gỗ là địa bàn có truyền thống này. Một số người dân Bến Gỗ lưu truyền việc đội đua ghe của Bến Gỗ tham gia cuộc thi tại Biên Hòa từ thời vua Minh Mạng. Kỳ đua ghe này được tác giả Lương Văn Lựu cho biết tổ chức vào năm 1832, gần 40 chiếc tham gia*. Sau năm 1975, đội đua ghe ở An Hòa do Nguyễn Thành Tâm đứng đầu. Sau đó, trải qua một số nhân vật khác tiếp tục như ông Chín Nhỏ, ông Ba Mãnh, ông Tư Rày, ông Nguyễn Văn Lẹ và ông Bảy Hoàng. Hiện nay, đội ghe của xã An Hòa vẫn còn được duy trì mang tính chất nghiệp dư nhưng được tổ chức tốt và trở thành niềm tự hào của người dân địa phương.

Sinh hoạt văn hóa truyền thống ở An Hòa phải kể đến đoàn hát bội mang tính chất nghiệp dư nhưng góp phần quan trọng trong đáp ứng nhu cầu thưởng thức, giải trí của người dân địa phương. Trước năm 1975, khi Bến Gỗ tổ chức lễ cúng thần ở đình phải mời các đoàn hát ngoài địa phương đến biểu diễn. Sau

* *Lương Văn Lựu là tác giả của Bộ sách nghiên cứu về Biên Hòa được nhiều người biết đến, gồm 5 tập, với tên gọi Biên Hòa sử lược. Tác giả tự xuất bản trước năm 1975. Ông sinh năm 1916 và mất năm 1992 (Nhóm tác giả). Riêng về thời gian cụ thể trên dẫn lại theo tác giả Diệp Đình Hoa - sách làng Bến Gỗ xưa và nay (đã dẫn)*

năm 1975, người dân An Hòa thành lập một đoàn hát do ông Nguyễn Văn Lâm chủ trì (người dân gọi là bầu Lâm). Cái đặc biệt của đoàn hát này là anh em tham gia làm diễn viên đa phần là nông dân tại địa phương. Ban ngày thì làm ruộng và ban đêm thì tự nguyện tham gia tập diễn. Ông bầu Lâm được xem là một người tổ chức giỏi khi vừa là làm công việc biên kịch vừa đạo diễn mà chính ông không trải qua trường lớp đào tạo bài bản nào trước đây. Đối với các loại tuồng tích cổ điển, nhiều chữ nghĩa, ông cho dịch sang tiếng Việt một cách bài bản. Bên cạnh các tuồng tích có trước đây, ông có tài đặt ra các tuồng mới theo yêu cầu của người dân địa phương. Gánh hát của ông bầu Lâm có 24 vở tuồng được trình diễn, phân theo các loại: tuồng thầy, tuồng sử, tuồng truyện, tuồng đồ và tuồng thơ.

Hiện nay, đoàn hát của ông bầu Lâm trước đây thành lập vẫn còn duy trì, tham gia tích cực trong những đêm diễn trong các lễ hội tổ chức ở An Hòa và được người dân ủng hộ tích cực. Duy trì sinh hoạt này là một nét độc đáo của một vùng quê có bề dày văn hóa của An Hòa. Xã An Hòa còn tổ chức được đội múa lân ngay từ những năm đầu đất nước thống nhất. Hiện nay, đội múa lân (Lân - Sư - Rồng) ở xã An Hòa vẫn còn được duy trì, hoạt động trong các dịp lễ hội,

thi thổ tại các giải trong và ngoài địa phương.

1.5. Truyền thống đấu tranh

Người dân An Hòa có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường. Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, quân dân An Hòa đã có những đóng góp lớn cho phong trào cách mạng của huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Chi bộ Đảng An Hòa (những thời kỳ chia tách với tên gọi khác nhau) đã bám trụ để chỉ đạo, lãnh đạo phong trào đấu tranh trên nhiều lĩnh vực. Thống kê bước đầu cho thấy, lực lượng quân dân xã An Hòa đã tổ chức 325 trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt 435 tên địch trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Phá hủy và tịch thu nhiều phương tiện chiến tranh của kẻ thù. Xã An Hòa có 83 liệt sĩ, 30 thương binh trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Lực lượng quân dân An Hòa được Nhà nước tặng thưởng: 03 huân chương Quân công giải phóng, 20 huân chương Kháng chiến hạng nhất, 40 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 140 huân chương Kháng chiến hạng Ba, 50 huy chương Kháng chiến hạng Nhất, 20 huy chương Kháng chiến hạng Nhì, 50 bằng khen Gia đình vẻ vang. Toàn xã có hai người được phong danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng; gồm: mẹ Nguyễn Thị Đũa, mẹ Nguyễn Thị Sáu. Thật khó có thống kê chính xác về

sức của, sức công mà người dân An Hòa đã đóng góp cho sự nghiệp cách mạng. Những đóng góp của xã An Hòa đã tô thêm vẻ đẹp oai hùng của quân, dân Biên Hòa trong sự nghiệp đấu tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc ta. Năm 2010, xã An Hòa vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Truyền thống đấu tranh cách mạng anh hùng vừa là niềm tự hào của bao thế người dân An Hòa và tiếp tục được phát huy trong thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.



Toàn cảnh di tích Đình An Hòa